

Số: 3477 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 04 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố bổ sung Danh sách tàu cá đã được đóng mới, cải hoán, mua bán, tặng cho trước ngày Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT có hiệu lực (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

Căn cứ Thông tư 06/2024/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 342/TTr-SNN ngày 01/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố bổ sung danh sách tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên đã được đóng mới, cải hoán, mua bán, tặng cho trên địa bàn tỉnh trước ngày Thông tư 06/2024/TT-BNNPTNT có hiệu lực, với số lượng là 34 tàu cá (bao gồm: thành phố Quy Nhơn: 07 tàu; huyện Phù Cát: 03 tàu; huyện Phù Mỹ: 8 tàu và thị xã Hoài Nhơn: 16 tàu).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Thủy sản phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển công bố công khai danh sách tàu cá nêu trên trên các phương tiện thông tin đại chúng địa phương và triển khai thực hiện việc đăng ký tàu cá theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh,

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP;
- Lưu: VT, K13 (17b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục
BỔ SUNG DANH SÁCH TÀU CÁ ĐÃ ĐƯỢC ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN, MUA BÁN,
TẶNG CHO TRƯỚC NGÀY THÔNG TƯ 06/2024/TT-BNNPTNT CÓ HIỆU LỰC
(TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT TỪ 12 MÉT TRỞ LÊN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ tên chủ tàu	Địa chỉ	Nghề khai thác	Vật liệu vỏ tàu	Lmax	Bmax	D
I Thành phố Quy Nhơn							
1	Trần Thanh Sơn	Đông Đa	Lưới kéo	Gỗ	14,00	4,06	1,75
2	Nguyễn Chánh Phong	Nhơn Lý	Hậu cần	Gỗ	13,80	3,75	1,25
3	Nguyễn Chí Trung	Đông Đa	Lưới kéo	Gỗ	13,40	3,65	1,45
4	Trương Thành Đông	Đông Đa	Lưới kéo	Gỗ	14,30	4,08	1,80
5	Võ Đình Hoàng	Đông Đa	Lưới kéo	Gỗ	14,40	4,12	1,60
6	Lê Văn Thom	Quang Trung	Lưới rê	Gỗ	14,00	3,30	1,30
7	Võ Nức	Đông Đa	Lưới kéo	Gỗ	16,50		
II Huyện Phù Cát							
1	Nguyễn Công Quý	Cát Khánh	Hậu cần	Gỗ	12,80	3,90	1,10
2	Nguyễn Thị Hoa	Cát Khánh	Lưới mảnh	Gỗ	13,90	3,40	1,35
3	Lê Văn Phê	Cát Khánh	Mảnh tôm kiê	Gỗ	12,70	3,10	1,10
III Huyện Phù Mỹ							
1	Nguyễn Chó	Mỹ An	Lưới vây	Gỗ	12,00	2,80	1,80
2	Trần Văn Dũng	Mỹ An	Lưới vây	Gỗ	12,00	2,80	1,60
3	Nguyễn Văn Tý	Mỹ An	Lưới vây	Composite	12,90	4,00	1,90
4	Phan Thanh Ca	Mỹ Thắng	Câu mực	Gỗ	12,80	3,90	1,70
5	Dương Quốc Thắng	Mỹ Thắng	Lưới vây	Gỗ	14,90	4,20	2,20
6	Trần Văn Minh	Mỹ Thắng	Chong đèn	Gỗ	13,95	4,00	1,50
7	Phan Văn Hoan	Mỹ Thắng	Câu	Gỗ	12,60	4,00	1,40
8	Nguyễn Văn Tý	Mỹ Thắng	Lưới vây	Gỗ	13,00	3,70	2,20
IV Thị xã Hoài Nhơn							
1	Nguyễn Văn Lành	Tam Quan Bắc	Lưới rê	Gỗ	13,00	3,00	1,90
2	Lê Hồng Kỳ	Tam Quan Bắc	Câu	Gỗ	12,00	3,10	0,90
3	Huỳnh Tuấn Vũ	Tam Quan Bắc	Lưới rê	Gỗ	12,50	3,00	1,30
4	Nguyễn Văn Lắm	Tam Quan Bắc	Câu	Gỗ	12,00	2,90	1,10
5	Phan Hai	Tam Quan Bắc	Lưới rê	Gỗ	12,00	2,50	1,00
6	Huỳnh Trà	Tam Quan Bắc	Câu	Gỗ	12,00	2,30	1,20
7	Nguyễn Dũng	Tam Quan Bắc	Lưới rê	Gỗ	12,00	3,00	0,90
8	Hồ Văn Hùng	Tam Quan Bắc	Lưới rê	Gỗ	12,00	1,90	1,20
9	Huỳnh Văn Cai	Tam Quan Bắc	Lưới rê	Gỗ	12,00	3,10	1,50
10	Hồ Văn Nhân	Tam Quan Bắc	Lưới rê	Gỗ	12,00	1,80	0,70
11	Nguyễn Văn Lên	Tam Quan Bắc	Câu	Gỗ	12,00	3,50	1,40
12	Đào Văn Hùng	Tam Quan Bắc	Hậu cần	Gỗ	12,50	3,50	1,90
13	Nguyễn Văn Hoài	Tam Quan Bắc	Lưới rê	Gỗ	12,60	3,15	1,50
14	Huỳnh Thanh Vương	Tam Quan Bắc	Lưới rê	Gỗ	14,50	3,80	1,80
15	Nguyễn Trung	Tam Quan Nam	Lưới kéo	Gỗ	13,50	3,70	1,80
16	Trương Minh Thắng	Tam Quan Nam	Lưới kéo	Gỗ	12,50	3,05	1,40